VAI TRÒ CỦA CƯ DÂN CHĂMPA TRONG HOẠT ĐỘNG THƯƠNG NGHIỆP Ở ĐÀNG TRONG THẾ KỶ XVII-XVIII

NGUYỄN THỊ HẢI *

Vương quốc Chămpa (1) trong thời kỳ thịnh trị được xem là một thể chế biển, một vương quốc trọng thương với các đoàn tàu viễn dương đã xuất hiện dọc các bờ biển Đông Nam Á ngay từ những năm đầu Công nguyên. Có thời kỳ, người ta còn gọi Biển Đông là biển Chămpa và các nước khác chỉ biết đến khu vực Đông Nam Á qua các nguồn hàng và thương cảng của vương quốc này. Tuy nhiên, khi vương quốc Chămpa dần suy yếu ở thế kỷ XV và trở thành một phiên trấn của Đại Việt vào thế kỷ XVII, cư dân Chămpa di chuyển và sống tản mát khắp nơi, những ghi chép của chính sử hay các tư liệu nghiên cứu đều không nhắc đến một nền thương nghiệp Chămpa hay vai trò của cư dân Chămpa trong thời đại thương nghiệp phát triển sôi động này. Trong khi đó, các mặt hàng chủ yếu ở Đàng Trong là những sản phẩm truyền thống của cư dân Chămpa. Vậy cư dân Chămpa đóng vai trò như thế nào trong mắt xích thương mại của Đàng Trong trong hai thế kỷ XVII-XVIII? Bài viết dưới đây sẽ góp phần làm rõ hơn vấn đề này.

1. Vài nét về cư dân Chămpa

Vào thời kỳ phát triển ở thế kỷ XI-XII, dân số ở vương quốc Chămpa ước khoảng 20 vạn người và không quá 2,5 triệu người (2), bao gồm người Chăm và nhiều tộc người khác. Theo tài liệu còn lưu trữ được tại Pháp về hoàng gia Chămpa thế kỷ XVII-XVIII cho biết: Chămpa là vương quốc đa chủng tộc, trong đó tập trung ở các thành phần tộc người như Churu, Raglai, Kaho (chỉ những người nói tiếng Môn - Khmer như Chil, Mạ, Kaho, Stiêng) và dân tộc Chăm (3). Người Chăm chiếm chủ yếu trong cộng đồng dân cư. Trước thế kỷ XVII họ sinh sống tập trung ở các tỉnh: Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận ngày nay. Vào thời kỳ thịnh đạt, người Chăm còn thâm nhập lên vùng núi cao Tây Nguyên, thiết lập ách thống trị và khuất phục các bộ lạc dọc theo lưu vực sông Ba. Người Chàm (tức người Chăm) đã tỏa đi khắp các cao nguyên, lên dọc theo dãy Trường Sơn và ngay cả khi vương quốc Chămpa sụp đổ, những ảnh hưởng của người Chăm vẫn còn rõ nét ở khu vực này (4).

Bước sang thế kỷ XVII-XVIII, quá trình di cư ồ ạt của người Việt từ phía Bắc xuống phía Nam và bộ phận người Hoa từ Phúc Kiến, Quảng Đông di cư sang đã tạo nên sự đa dạng trong cộng đồng dân cư ở vùng đất Đàng Trong (Đàng Trong được tính từ phía Nam sông Gianh tỉnh Quảng Bình đến Hà Tiên ngày nay); cùng với đó là sự suy yếu của vương quốc Chămpa bởi sự tranh giành

*TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

quyền lực trong nội bộ triều đình. Cư dân Chăm pa đã từng bước lùi xuống phía Nam hoặc đi lên phía Tây, dọc các cao nguyên ven dãy Trường Sơn, sống cùng với các dân tộc ít người khác, nơi mà họ đã có ảnh hưởng từ trước đó và mang đậm văn hóa Chăm. Một số ở lại Ninh Thuận, Bình Thuận và cộng cư với người Việt.

Vương quốc Chăm pa có nền kinh tế thương nghiệp phát triển từ rất sớm, không chỉ là nội thương với các tuyến thương mại dọc sông Côn, sông Ba, sông Đà Rằng, sông Thu Bồn…, mà còn được biết đến là nơi giao thương phát triển với các quốc gia khác qua hệ thống các cảng biển như: Lý Hòa, Nhật Lệ (Quảng Bình), Cửa Tùng, Mai Xá (Quảng Trị); Cửa Eo, Tư Hiền (Thừa Thiên Huế), Hội An (Quảng Nam), Thị Nại (Bình Định), Khánh Hòa, Nha Trang, Phan Rang (Ninh Thuận) (5)... Do đó, cư dân Chăm pa đã sớm bắt nhịp với nền kinh tế thương nghiệp và họ là những tay buôn sành sỏi, thông thạo mọi địa hình không chỉ dưới thời kỳ vương quốc Chăm pa, mà ngay cả khi họ trở thành cư dân dưới sự quản lý của chính quyền chúa Nguyễn. Sang thế kỷ XVII, dư âm và sự ảnh hưởng của họ đến thương nghiệp Đàng Trong đã khiến thương nhân Nhật Bản cũng như các nước khi đến đây vẫn còn lúng túng trong cách gọi, ban đầu họ thường gọi là Cajian hay Cacciam (tỉnh Chăm) hoặc Kẻ Chiêm có nghĩa là "nơi người Chăm" (6). Điều đó đã phản ánh sự dự nhập của cư dân Chăm pa trong hoạt động thương nghiệp ở Đàng Trong và được thể hiện rõ trong các hoạt động dưới đây.

2. Vai trò của cư dân Chăm pa ở các vùng đầu nguồn

Ngay từ thời thịnh trị, nền kinh tế Champa đã phụ thuộc rất lớn vào việc buôn bán hàng hóa có giá trị từ miền núi đến miền biển, nhằm khắc phục sự thiếu hụt của những đồng bằng phù sa và sự khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên. Đến thế kỷ XVII - XVIII khi tình hình chính trị có nhiều thay đổi, kinh tế ở vùng đất Thuận - Quảng cũng thay đổi theo, đó là nền kinh tế lai tạp giữa kinh tế lúa nước của Việt với kinh tế buôn bán của người Chăm và người Hoa. Do đó, hoạt động thương nghiệp của người Chăm cũng có nhiều thay đổi. Nếu như trước đây, hoạt động buôn bán của người Chăm xuyên từ rừng núi qua đồng bằng ra cảng và biển cả, thì nay họ chủ yếu tập trung buôn bán ở các chợ đầu nguồn, là những điểm thu gom hàng hóa và thu thuế đối với hàng hóa di chuyển giữa miền núi và đồng bằng, các chợ này thường ở vùng trung du và được gọi là *nguồn* hay *nguyên* (7), các chợ nối giữa *nguồn* đến cảng, dọc theo các con sông hay các chợ phiên ở chân núi, nơi cung cấp hàng hóa trực tiếp cho các điểm thu gom ở đồng bằng. Sự góp mặt của các thương nhân Chăm ở các vùng đầu nguồn và dọc theo các con sông, đã tạo nên một mô hình "tiếp sức" (8) giữa các tộc người trong các tuyến thương mại ở Đàng Trong.

Có thể nhận thấy hàng hóa xuất khẩu chủ yếu ở Đàng Trong trong hai thế kỷ XVII-XVIII là các mặt hàng lâm sản và thủ công, trong đó các sản phẩm của núi rừng chiếm số lượng lớn. Ngay từ thế kỷ X, cư dân Chăm pa đã là những người làm chủ các khu rừng đầu nguồn, họ có nhiều mặt hàng có giá trị mà các thương nhân miền xuôi luôn tìm kiếm. Đó là nguồn tài nguyên vô tận của núi rừng như: gỗ mun, gỗ thơm, gỗ hương, gỗ phượng hoàng, bạch đàn, long não, đinh hương, trầm mộc và nhiều loại hương liệu quý khác; đặc biệt là đậu khấu ở trong rừng sâu phải vượt nhiều khó khăn mới tìm được, bán giá đắt như vàng (9). Bên cạnh đó, trong các mặt hàng của Chăm pa, quan trọng nhất là Kalambak - loại trầm hương tốt nhất trong các loại trầm…

Đến đầu thế kỷ XVI, Dương Văn An cũng cho biết đây là vùng đất giàu tài

nguyên thiên nhiên với trầm hương, bạch mộc hương, hoàng tiết, nhựa thông, hồ tiêu, da nai, nhung hươu, ngà voi, sừng tê, thổ cẩm trắng, vải gấm xanh, màn tơ hoa, vỏ gai… (10).

Thế kỷ XVII, Lê Quý Đôn cũng ghi chép trong *Phủ biên tạp lục* về sản vật quý giá ở vùng đầu nguồn xứ Quảng Nam, đó là kỳ nam hương: "Kỳ nam hương xuất từ đầu núi các xã thuộc hai phủ Bình Khang và Diên Khánh xứ Quảng Nam là tốt nhất; xuất từ Phú Yên và Quy Nhơn là thứ hai" (11). Vùng đất Quảng Nam thế kỷ XVII-XVIII cũng là nơi sinh tụ của người Chăm, đây được xem là "đất phì nhiêu nhất thiên hạ. Người Thăng Hoa, Điện Bàn biết dệt vải lụa, vóc đoạn lĩnh là, hoa màu khéo đẹp chẳng kém Quảng Đông, ruộng đồng rộng rãi, gạo lúa tốt đẹp, trầm hương, tốc hương, sừng tê, ngà voi, vàng bạc, đồi mồi, trai ốc, bông, sáp, đường, mật, dầu sơn, cau, hồ tiêu, cá muối, gỗ lạt, đều sản xuất ở đấy" (12). Các sản phẩm này đều nằm sâu trên các đỉnh núi cao nên rất khó khai thác. Trong khi đó, những cư dân mới đến như người Kinh, người Hoa thì chỉ thông thạo ở khu vực đồng bằng. Để thu mua được sản vật, họ phải nhờ đến cư dân Chăm pa, những người thông thạo địa hình và nắm rõ được nơi nào cho những sản phẩm tốt nhất. Thậm chí, để có được nguồn hàng quý nhất của Đàng Trong, những người thu gom trầm hương phải tiến hành hàng loạt những nghi thức tôn giáo. Điều này đã dẫn đến một thực tế là, mặc dù vùng núi phía Tây là nơi cung cấp nhiều mặt hàng mang giá trị cao, nhưng đây vẫn là vùng đất kỳ bí và chứa đựng đầy khó khăn đối với thương nhân vùng hạ nguồn. Ngay đến thế kỷ XIX, vùng núi phía Tây vẫn luôn được biết đến là nơi chứa đựng những khó khăn, nguy hiểm, "người Kinh đến đây đều không chịu nổi, phần lớn đều sinh ra bệnh tật, không ở lâu được" (13). Chính sự khắc nghiệt của khí hậu, cản trở về mặt địa hình đã khiến những thương nhân miền xuôi không dám tiến quá sâu hay định cư lâu dài trên vùng đất của người vùng cao. Do đó, để có được nguồn hàng quý giá này, họ thường phải thực hiện tại các địa điểm buôn bán thuận lợi như tại các vùng đầu nguồn các con sông hay tại các điểm được định trước bởi những người trung gian là các già làng (14) mà đa số là cư dân Chăm pa xưa.

Vai trò của cư dân Chăm pa đối với các sản phẩm ở vùng cao đã khiến thương nhân các nước khi đến mua hàng hóa ở Đàng Trong vẫn liệt kê danh sách các mặt hàng là những sản phẩm của Chăm pa. Chẳng hạn vào đầu thế kỷ XVII, Zhang Xie dựa vào những nguồn tài liệu Trung Quốc đã lập một bảng danh sách những sản phẩm của Chăm pa như sau: "Vàng, bạc, thiếc, sắt, ngọc *baomu*, ngọc trai, ngọc trai lửa, hổ phách, pha lê, ốc tiền, các loại đá *pusashi*, sừng tê, ngà voi, mai rùa, trầm hương, gỗ đàn hương, long não, xạ hương, đinh hương, trầm, hồng thủy, dầu lửa, bông, vải *zhapxia*, vải có vẽ màu, vải bông trắng, chiếu lá cọ, sáp ong vàng, lưu huỳnh, gỗ vang, gỗ mun, tre *guanyin*, gạo, tổ yến, hạt tiêu, cau, dừa, mít, cây *haiwuzi*, ớt lựu, nhục đậu khấu, tê giác, sư tử, voi, vượn, khỉ trắng, chim, vẹt, rùa" (15). Trong bảng khảo sát của Li Tana về các sản phẩm mà người Nhật mua ở Đông Nam châu Á có tên danh sách những sản phẩm của người Chăm như: gỗ trầm hương, da cá mập, vải bông (16).

Điều đó cho thấy, cư dân Chăm pa vẫn tiếp tục hoạt động và làm chủ các vùng đầu nguồn. Họ là những người nắm bắt được nguồn hàng và giữ vai trò điều phối, tập trung các nguồn hàng tại các vùng đầu nguồn, đứng ra giao dịch với các thương nhân miền xuôi. Vai trò này còn được lưu giữ ít nhất đến giữa thế kỷ XIX, khi mà người Kinh xâm nhập sâu hơn vào các vùng cao nguyên.

3. Vai trò của cư dân Chăm pa trong các tuyến thương mại nội địa

Cư dân Chăm pa là những thương nhân giỏi khi mà họ không chỉ biết khai thác các tài nguyên vùng đầu nguồn, mà còn biết dựa theo những dòng sông lớn ở miền Trung Việt Nam để thiết lập một hệ thống trao đổi hàng hóa từ miền xuôi lên miền ngược, dọc theo các con sông - một mô hình kinh tế rất phù hợp với vùng đất này. Mô hình của nền kinh tế Chăm pa thời kỳ thịnh đạt là: "cảng thị - trung tâm chính trị - các vùng đầu nguồn", trong đó sự phát triển kinh tế phụ thuộc vào vấn đề buôn bán hàng hóa có giá trị giữa miền núi và miền biển mà các cảng biển, các chợ, các *nguồn* là những điểm buôn bán quan trọng (17). Sau thời kỳ suy thoái bởi nhiều yếu tố tác động, sang thế kỷ XVII được xem là "thời phục hưng" của các cảng thị miền Trung và là giai đoạn chuyển hóa từ cảng Chăm sang cảng Việt (18). Đến đây, kinh tế Đàng Trong đã có sự kết hợp giữa hai nền kinh tế: kinh tế Chăm và kinh tế Việt; trong đó mô hình kinh tế Chăm vẫn chiếm ưu thế với sự phát triển mạnh của mạng lưới buôn bán hàng hóa có giá trị từ các vùng đầu nguồn đến các cảng thị thông qua hệ thống các con sông. Các tuyến thương mại nội vùng bằng đường sông mang tính chủ đạo để trao đổi các mặt hàng như: muối, mắm, tôm, cá khô, đường mía, vải sợi, đồ gốm, mã não, thủy tinh, đồ đồng thau… đổi lấy những loại lâm sản quý như: trầm hương, quế, mật ong, hồ tiêu, gia vị, ngà voi, sừng tê, chim quý, gỗ… của cư dân miền ngược. Trong đó đáng chú ý là các tuyến thương mại sau:

Tuyến đường thương mại Cửa Việt - Cam Lộ - Ai Lao: Ở Thuận Hóa, tuyến thương mại nổi tiếng này chủ yếu là tuyến đường bộ và đường thủy. Ghe thuyền vào Cửa Việt mang hàng hóa của vùng biển và các nơi khác, đi dọc theo sông Hiếu, sông Thạch Hãn trao đổi với vùng trung du và vùng núi; đồng thời thông qua cửa khẩu Ai Lao để thu gom nguồn hàng từ Lào và vùng núi đem về trao đổi với vùng đồng bằng và vùng biển. Cam Lộ trở thành cửa khẩu quan trọng không chỉ trong giao thương mà còn là nơi các chúa Nguyễn có thể kiểm soát an ninh vùng núi phía Tây. Lê Quý Đôn đã mô tả rõ tuyến đường này: "Xã Cam Lộ huyện Đăng Xương ở về thượng lưu sông Điếu Ngao, dưới thông với cửa Việt, trên tiếp với nguồn Sái đất Ai Lao, đường sá của dân Man đều ra từ đấy. Ở xa thì nước Lạc Hoàn, nước Vạn Tượng, phủ Trấn Ninh, châu Quy Hợp, các bộ lạc Lào đều có đường thông đến đấy, rất là xung yếu. Từ xã ấy đi vào 1 ngày đến phường An Khang, có tuần gọi là Ba Giăng, cũng gọi là đồn Hiếu Giang, theo lệ các người buôn lĩnh giấy đến tuần đi lên nguồn mua bán hàng hóa, hàng năm nộp thuế 110 quan. Từ tuần đi 2 ngày rưỡi đến bờ sông Đại Giang thuộc địa giới nước Ai Lao, họ Nguyễn có đặc dinh đóng quân 6 thuyền ở đấy gọi là dinh Ai Lao. Phía hữu sông xã Cam Lộ có tuần Cây lúa, cũng như lệ đồn Hiếu Giang hàng năm nộp thuế 80 quan. Từ đấy là để thông sang Mường Vanh, Vạn Tượng. Phía tả tuần Hiếu Giang có tuần Ngưu Cước, cũng như lệ Hiếu Giang hàng năm nộp thuế 120 quan. Hai bên tả hữu phía trên sông Hiếu Giang thì dân các động, sách ở cày cấy chăn nuôi rất nhiều (19).

Hàng hóa trao đổi chính ở chợ phiên Cam Lộ được miêu tả trong *Phủ biên tạp lục* như sau: "Người buôn ở các xã thường mang muối, cá khô, mắm, đồ sắt, nồi đồng, thoi bạc, hoa xuyến, các đồ lặt vặt đến người Man đổi lấy các hàng hóa thóc, gạo, gà, trâu, gai, sáp, mây, gió, vải man, màn man, thuê voi chở về Cam Lộ. Người Man cũng có lấy voi chở hàng hóa xuống chợ Cam Lộ để bán, một con voi chở được 30 gánh, mỗi gánh được 20 bát. Cũng có một phiên chợ lùa trâu đến 300 con, giá một con

trâu không quá 10 quan, giá một con voi chỉ hai hốt bạc và một khẩu súng nhỏ. Nếu giảm nhẹ thuế tuần và thôi thu thuế đầu voi thì có thể lấy được voi của nước Ai Lao để dùng về việc biên giới, cũng thu được lợi nhiều về các hàng quý và súc vật" (20).

Tuyến đường tơ lụa và hương liệu: Đây là tên gọi của tuyến đường thương mại trên trục lộ sông Hương, từ duyên hải đi qua đồn Tuần đến khu vực người Pa Kô, Tà Ôi, Cơ Tu ở Thừa Thiên Huế. Lê Quý Đôn miêu tả tuyến đường này ở thế kỷ XVIII như sau: "Nguồn Tả Trạch đi qua các phường xã An Ninh, Kim Ngọc, Dương Lăng, còn là dân thường. Từ đấy mà lên đều là núi rừng lớn, đi hai ngày đường đến sách làng Nước của người Man dưới, rồi đến sách Hà Vãn, phường Hà Lạc, phường Ma Ra, dọc đường các lái buôn đem các thứ muối, mắm, trâu, đồ nông cụ, thanh la đổi lấy các thứ mây sắt, mây trắng, sáp ong, mật ong. Nguồn Hữu Trạch đi qua phường An Bình, phường Cây Bông, từ đây trở lên đều là núi lớn, dân cư thưa thớt, đi 4 ngày đường mới đến được sách A ra (Đốc Sơ) mới có người Man cao ở. Tuy nhiên, các thuyền buôn không thể đi lên đến chỗ người Man cao được mà chỉ trao đổi mua bán ở xứ Bãi Đinh cây bông thôi" (21). Về sản vật trao đổi chính là trâu, lợn, thanh la, đồ đồng, muối và các đồ dùng hàng ngày từ miền xuôi lên.

Tuyến thương mại đường sông Thu Bồn: Ở khu vực xứ Quảng Nam nổi tiếng với tuyến đường thương mại trục sông Thu Bồn (sông Bung, sông Cái, sông Con). Đây là một trục sông lớn nối kết vùng đồng bằng ven biển đến khu vực người Cơ Tu ở miền Tây Quảng Nam. Tuyến đường này hiện nay khá rộng, vẫn mang trọng trách vận chuyển và lưu thông hàng hóa giữa các vùng nhưng không nhiều. Sông Thu Bồn là con sông được hình thành từ sự hợp lưu của các con sông nhỏ huyện Nam Giang, Đông Giang xuôi về Đại Lộc tạo thành dòng Vu Gia, dòng này hợp lưu với dòng chính của sông Thu Bồn ở Duy Xuyên nên người ta còn gọi đây là hệ thống sông Vu Gia - Thu Bồn. Theo tư liệu của Le Pichon trong chuyến khảo sát vào thế kỷ XIX cho thấy, với tộc người Cơ Tu, những cuộc trao đổi với người An Nam được thực hiện ở Bến Giang và Bến Hiền, điểm cuối đường thủy sông Cái và sông Con. "Họ buôn bán với cư dân đồng bằng, trước tiên là người Chàm, rồi tiếp đó là người An Nam vì chỉ chính qua trung gian của họ, họ mới có đủ muối cho nguồn lương thực của mình. Vào ngày đã hẹn, các lái lên Bến Hiền bằng thuyền tam bản để chờ người bán. Những người bán cũng không trễ hẹn chút nào; họ đi đến thành hàng dài, đàn ông và đàn bà đi bộ, cong người dưới các gùi nặng chất đầy hàng: ngô, trầu, gạo, trái và rễ cây rừng. Họ trở về vào buổi chiều, nhẹ hơn với muối, vải, ché, hạt cườm, vòng, mũi lao..." (22).

Tuyến thương mại dọc sông Côn: Tuyến đường sông này đã nổi tiếng từ thời Chămpa cổ đại với tên gọi "con đường gốm sứ" bởi hàng hóa trao đổi ở đây chủ yếu là gốm Gò Sành - một sản phẩm gốm nổi tiếng của người Chăm. Đây là con sông lớn nhất tỉnh Bình Định ngày nay với chiều dài 178km, bắt nguồn từ đèo An Khê (tỉnh Gia Lai), chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam đến Thanh Quang - Vĩnh Phúc chuyển hướng Bắc - Nam, đến Phú Phong chuyển hướng Tây - Đông rồi đổ ra biển ở đầm Thị Nại (23). Sông Côn trải dài hầu khắp tỉnh Bình Định với rất nhiều chi lưu. Vai trò thương mại của dòng sông này không chỉ có tác dụng trong thời kỳ Chămpa mà dưới thời các chúa Nguyễn, vai trò thương mại của dòng sông cũng nổi lên khá rõ nét. Dọc theo hệ thống sông Côn, thương cảng Thị Nại đóng vai trò là cảng biển chính, là trung tâm tập trung và trao đổi hàng hóa với bên ngoài. Trong khi đó An Khê là điểm đầu nguồn - điểm tập kết hàng hóa của miền

ngược và là nơi trao đổi, mua bán giữa miền ngược và miền xuôi. Không chỉ có vai trò kết nối thương mại trong vùng, An Khê còn nằm trên lộ trình kết nối thương mại khu vực, "vùng cao nguyên này đứng giữa những tuyến đường thương mại quan trọng, lộ trình chạy từ cảng Quy Nhơn về phía Tây tới Cambodia và lên phía Nam tới lãnh thổ của Lào, cung cấp cho họ hàng hóa nằm dọc theo những tuyến đường đó" (24).

Miền Thượng du thuộc vùng núi An Khê có những tài nguyên vô tận: gỗ mun, gỗ thơm, gỗ hương, gỗ phượng hoàng, bạch đàn, long não, đinh hương, trầm mộc… "Đậu khấu bán đắt như vàng, lại còn có hồi hương, lô hội, mây trắng và tre…; động vật có voi, hổ, tê giác, hươu trắng, trâu rừng, bò rừng, khỉ…" (25). Trong khi đó, ngoài những mặt hàng như gốm sứ, cá… thì một mặt hàng rất quan trọng mà cư dân miền núi không thể thiếu được chính là muối. Hình ảnh hạt muối đã xuất hiện trong văn nghệ dân gian phần nào làm rõ thêm quá trình trao đổi hàng hóa giữa miền ngược và miền xuôi. Đó là bài ca về Dru Droe của người Sre: "Chúng ta ở xứ Chàm về đây/Mang về muối và cá đây này/và các quà này của người con xứ Chàm/Hãy thức đêm nay, trắng đêm nay". Hay trong câu đố của trẻ con người Sre: "Kẻ nào giống như người Chàm mang muối đến trước bình minh, mang nước khi mặt trời lên, và đến giữa buổi sáng thì ngừng không mang nữa?" (26).

Từ vùng núi An Khê là điểm bắt đầu của hai nguồn sông lớn là sông Côn và sông Ba. Sông Ba cũng đóng một vai trò không nhỏ trong kết nối kinh tế, văn hóa vùng Nam Trung Bộ. Sông Ba bắt nguồn từ phía Tây Bắc tỉnh Kon Tum, ở độ cao trên 1.540m trên dãy Ngọc Rô. Đây là một con sông lớn trước khi đổ về xuôi, có sự góp mặt của một hệ thống những hợp lưu chảy qua nhiều tỉnh ở Tây Nguyên. Chính vì trải dài trên một lưu vực rộng lớn bao gồm cả Gia Lai, Kon Tum và phần phía Đông Bắc của Đắk Lắk hiện nay, nên trước khi mang tên chính thức là sông Ba/Đà Rằng với các hợp lưu quan trọng nối kết là Ayun, Krong H'năng, sông Hinh... đã làm nên một hệ tuyến thủy lộ, kết nối nhiều vùng, nhiều tộc người, và trở thành con đường giao thương quan trọng có thể thâm nhập vào vùng núi cao. Dọc theo hai bờ sông cũng hình thành những trạm trung chuyển hàng hóa nổi tiếng, đóng vai trò quan trọng trong việc thiết lập một mạng lưới giao thương và là nơi tập kết hàng hóa. Sông Ba trở thành vị trí "chìa khóa", là nơi đi qua của người Noup và người Noang (Raglai) ở vùng Đông Bắc, là "cánh cửa" mở xuống vùng duyên hải Đông Nam, trung gian giữa cư dân trong nội địa với người Chăm và với cả người Việt (27). Ngoài con đường mòn được tạo nên từ các chi lưu ở thượng nguồn của sông Ba, thì thung lũng sông Ba ôm lấy cao nguyên An Khê có thể là một con đường khác để xâm nhập vào miền núi, vì người ta hay gọi đèo An Khê là "đèo Mang", theo ngôn ngữ Bana có nghĩa là "ngang qua cửa", nghĩa là cửa ngõ giữa đồng bằng và miền núi.

Con đường thương mại này đã được biết đến là "con đường của các thủ lĩnh" (28). Hàng năm đến mùa khô, sau khi thu hoạch xong, mọi người gùi đèo trên lưng lên đường; cả gia đình, đàn ông, đàn bà, trẻ con đi đến xứ người Mạ, người Srê, người Raglai… Họ mang theo những tấm chăn, da thú, heo… rồi đổi lấy quần áo, ché, muối… Họ đi men theo những con đường xuyên rừng Tây Nguyên, theo các đỉnh núi, các dòng sông để xuống xứ người Việt. Hàng hóa trao đổi chính được hiện lên rõ nét trong bài thơ của người Mạ như sau: "Sörli và Sun rời làng - ở tít tận phía đông - bắc xứ người Mạ - đi xuống phía ven biển. Họ mang theo bao nhiêu thứ đẹp để đổi lấy muối và cá của người Việt; họ mang nào gỗ thông, nào ngà voi, nào tấm chăn, tất cả

đều là hàng hóa có nhiều giá trị; họ dắt theo một con dê to. Trên đường đi về phía biển, họ đi qua những làng mà ở đó đàn ông, đàn bà đi theo họ, mang theo những gùi gạo, những tấm chăn do họ dệt… Họ đi đến con suối có "nước biết đánh nhạc"... Cuộc đi rất vui, rất nhiều phụ nữ đi mua đồ trang sức… Một nàng nói với Sörli: - Nếu anh muốn chúng ta sống với nhau, thì đến "chợ lớn" anh tìm cho em một chiếc váy thật rộng, em rất thích một chiếc váy như thế; một tấm chăn thêu, em thích lắm; một tấm chăn màu xanh, rồi lụa nữa, em sẽ mừng lắm… đến chợ, họ mua đủ mọi thứ cần thiết; họ mua bát, cúc áo mạ vàng, quần áo đẹp…" (29). Đó là những mặt hàng trao đổi chính theo dọc sông Ba từ vùng núi Tây Nguyên đến đồng bằng ven biển và đến nay các mặt hàng trao đổi ở đây cũng không có sự thay đổi nhiều.

Như vậy có thể thấy, những con đường ở vùng núi cao Tây Nguyên đổ xuống đồng bằng hầu hết là đi theo các con sông nên việc buôn bán rất sôi nổi, bằng các con thuyền độc mộc có thể chở đến 200kg. "Đấy là những con đường lớn - *gung bötau* - như cách gọi của người Srê ngày xưa, xuyên qua cả xứ sở rừng núi từ Tây-Nam đến Tây-Bắc, những con đường của người Mạ dùng voi để chở hàng, đường của người Srê đi về phía Blao hay Đà Lạt, đường của người Raglai đi đến vùng người Noang, đường của người Bana đi đến vùng người Xơ-đăng, hầu như bao giờ cũng song song với các dãy núi. Đấy là những "con đường muối" của người Tây Nguyên đổ xuống phía Đông-Nam đến bờ biển Trung Bộ, người Bana xuống Quy Nhơn, người Noang xuống Phan Rang, người Mạ, người Srê, người Raglai xuống Phan Rang và Phan Thiết" (30).

Hệ thống sông ngòi ở vùng Thuận - Quảng là thủy lộ huyết mạch, nối kết thị trường sản vật phong phú (hương liệu, dược liệu, gia vị) từ miền núi và cao nguyên phía tây với hàng hóa nông sản, muối, và các vật dụng ở miền xuôi ven biển, tham gia vào hoạt động hàng hải liên quốc gia thông qua các cửa cảng. Chính hoạt động này làm nên sức mạnh mọi mặt cho vùng đất Đàng Trong. Những dòng chảy lớn nhỏ của các con sông từ tây sang đông đã đảm đương chức năng là các thương lộ, trở thành cầu nối trong hoạt động giao lưu về mặt ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng giữa miền xuôi và miền ngược, giữa đội ngũ thương nhân, thương lái ven biển với cư dân ven núi. Và hơn hết, thông qua các tuyến thương mại quan trọng này, vai trò của cư dân Chăm pa nổi lên rõ nét. Họ gồm nhiều tộc người khác nhau sống trên các vùng cao nguyên, tại các vùng đầu nguồn các con sông. Họ không chỉ khai thác các sản vật quý của núi rừng mà còn là các thương lái, những người đứng ra làm trung gian trong các giao dịch giữa người miền xuôi và miền ngược.

4. Nhận xét

Cư dân Chăm pa bao gồm nhiều tộc người, họ sinh sống ở các vùng núi cao ven dãy Trường Sơn hay dọc các con sông, những thủy lộ đóng vai trò kết nối giữa miền ngược với miền xuôi và là nơi giao lưu, kết nối giữa các tộc người, các nền kinh tế. Họ còn là chủ nhân của vùng đầu nguồn và điểm kết nối dọc các con sông. Vì thế, họ không chỉ thu mua, điều tiết hàng hóa nơi đây rồi cung cấp cho các thương lái miền xuôi, mà còn đóng vai trò là người kết nối các nền văn hóa, gắn kết các mô hình kinh tế, tạo nên sự đa dạng trong kinh tế, văn hóa ở Đàng Trong.

Có lẽ đã mất rất nhiều thời gian để các chúa Nguyễn có thể tạo nên một nền kinh tế phát triển như trong hai thế kỷ XVII-XVIII nếu như không có sự đóng góp tích cực của cư dân Chăm pa. Bởi lẽ, với lợi thế của kinh tế thương nghiệp lấy buôn bán hàng hóa là chủ yếu, cư dân Chăm pa đã

khắc phục được những hạn chế do điều kiện tự nhiên nơi đây mang lại. Với hoạt động kinh tế này, các chúa Nguyễn đã rút ngắn được rất nhiều thời gian, tận dụng lợi thế và nhân lực sẵn có để tạo nên tiềm lực cho một nền kinh tế hàng hóa phát triển sôi nổi trong thế kỷ XVII - XVIII.

Do vậy có thể nói, trong hai thế kỷ XVII-XVIII, cư dân Chăm pa đã phát huy thế mạnh của mình ở vùng đầu nguồn và dọc theo các dòng sông, đóng góp một phần không nhỏ trong sự phát triển của thương mại Đàng Trong.

CHÚ THÍCH

(1). Cách viết Chăm pa hay Champa hiện nay đều được các nhà nghiên cứu sử dụng.

(2), (9), (25). M.Georges Maspero, *Vương quốc Champa,* Nxb. Khoa học xã hội, 2020, tr.32, 34, 33-34.

(3). Po Dharma, *Vương quốc Champa lịch sử 33 năm cuối cùng (1802-1835),* International Office of Champa, San Jose, California, USA. Bản dịch tiếng việt, 2013, tr.13

(4). Henri Maitre, *Rừng người thượng vùng núi cao nguyên miền Trung Việt Nam*, Nxb. Tri Thức, Viện Viễn Đông Bác Cổ Pháp, Bảo Tàng Dân tộc học Việt Nam, Hà Nội, 2008, tr.133,134.

(5). Trần Quốc Vượng, *Việt Nam cái nhìn địa văn hóa*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, Hà Nội, 1998, tr.329.

(6), (16). Li Tana, *Xứ Đàng Trong lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỉ 17 và 18,* bản dịch của Nguyễn Nghị, Nxb. Trẻ, 2013, tr.100, 97.

(7), (8), (14), (17). Andrew Hardy, "Nguồn trong kinh tế hàng hóa ở Đàng Trong", Kỷ yếu Hội thảo khoa học: *Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, sđd, tr.57, 58, 58, 57-58.

(10). Dương Văn An, *Ô châu cận lục,* bản dịch Nguyễn Khắc Thuần, Nxb. Giáo Dục Việt Nam, 2009, tr.21,29.

(11), (12), (19), (20), (21). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục,* Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr.331, 337, 108, 206-207, 115.

(13). Lê Quang Định, *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí,* Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005, tr.342.

(15). Momoki Shiro, *Chăm pa chỉ là một thể chế biển,* Tạp chí *Đông Nam Á,* số 4, 1999, tr.45.

(18). Trần Quốc Vượng, "Chiêm cảng Hội An với cái nhìn về biển của người Chàm và người Việt", *Hội nghị khoa học về khu phố cổ Hội An lần thứ nhất*, UBND tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng, 1985, tr.350.

(22). Le Pichon, "Les Chasseurs de sang" (Kẻ săn máu), trong: *B.A.V.H*, No.4 - 1938, bản dịch Vĩnh Tùng, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2001, tr.364,379.

(23). Trương Quang Hải, Trần Ngọc Anh, Nguyễn Kim Ngọc Anh, "Đặc tính tự nhiên của một hệ thống sông lớn khu vực miền Trung", *Biển với lục địa - Vai trị và mạng lưới giao lưu ở lưu vực các dòng sông miền Trung,* Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn- ĐHQGHN, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 2016, tr.11.

(24). Nguyễn Quang Anh, Trần Văn Quyến, Đỗ Trường Giang, "Mạng lưới trao đổi ven Sông Côn trong lịch sử: Những kết quả nghiên cứu mới", *Biển với lục địa - Vai trị và mạng lưới giao lưu ở lưu vực các dòng sông miền Trung,* Trường Đại học khoa học xã hội và nhân văn- ĐHQGHN, Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Hà Nội, 2016, tr.353.

(26), (27), (28), (29), (30). Dambo, Miền đất huyền ảo, (Các dân tộc miền núi Nam Đông Dương), bản dịch của Nguyên Ngọc, Nxb. Hội Nhà Văn, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, bản PDF, tr.111-102, 58, 58, 37, 38, 39.